

ĐỀ ÁN

**Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động
của các cơ quan đảng, đoàn thể của tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022-2025**

**Phần thứ nhất
SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

I- CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Các văn bản của Đảng

- Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Chỉ thị số 41-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường phối hợp và triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

- Quyết định số 273-QĐ/TW ngày 03/3/2015 của Ban Bí thư ban hành Quy chế quản lý, sử dụng và bảo vệ mạng thông tin điện rộng của Đảng.

- Quyết định số 189-QĐ/TW ngày 19/4/2019 của Ban Bí thư về ban hành Kiến trúc tổng thể công nghệ thông tin và truyền thông thống nhất trong các cơ quan đảng Phiên bản 1.0.

- Quy định số 269-QĐ/TW ngày 25/11/2014 của Ban Bí thư về thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan đảng.

- Quy định số 217-QĐ/TW ngày 02/01/2020 của Ban Bí thư khoá XII về quy định gửi, nhận văn bản điện tử trên mạng thông tin điện rộng của Đảng và trên mạng Internet.

- Quyết định số 27-QĐ/TW ngày 10/8/2021 của Ban Bí thư ban hành kèm theo Chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng giai đoạn 2021-2025.

- Công văn số 682-CV/VPTW ngày 15/9/2021 của Văn phòng Trung ương Đảng về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình 27.

2. Các văn bản của Nhà nước

- Luật Cơ yếu số 05/2011/QH13, ngày 26/11/2011.

- Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 29/2018/QH14 ngày 15/11/2018.

- Nghị định số 73/2014/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, ngày 13/6/2019.
- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt "Chương trình chuyên đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".
- Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030.
- Quyết định số 2323/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung kiến trúc chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0.

3. Các văn bản của tỉnh

- Nghị quyết số 433-NQ/TU ngày 04/5/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2025.
- Nghị quyết số 111-NQ/TU ngày 11/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Ứng dụng công nghệ thông tin tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.
- Quyết định số 2291/QĐ-UBND về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bắc Giang, phiên bản 2.0.

II- CƠ SỞ THỰC TIỄN

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra nhanh chóng, có tác động to lớn, sâu rộng tới mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới. Cách mạng số là một xu thế công nghệ lớn hiện nay, được đón nhận tại nhiều quốc gia thông qua các chiến lược số, chương trình chính phủ số, chiến lược dữ liệu, chiến lược về IoT,... Thời gian qua, thực hiện Chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng, đoàn thể giai đoạn 2015-2020 của Trung ương, của tỉnh; Tỉnh ủy và các cấp ủy, cơ quan đảng, ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở (viết tắt là các cơ quan đảng, đoàn thể của tỉnh) đã quan tâm lãnh đạo chỉ đạo và đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của cấp ủy và các cơ quan đơn vị. Các cơ quan đảng, đoàn thể của tỉnh đã tích cực triển khai thực hiện và đạt được những kết quả nhất định: Mạng thông tin của Tỉnh ủy (mạng nội bộ) được hình thành, kết nối thông suốt trong các cơ quan đảng từ tỉnh tới huyện¹; Trung tâm tích hợp dữ liệu của Tỉnh ủy được xây dựng phục vụ quản lý toàn bộ máy chủ, phần mềm dùng chung, chuyên ngành các cơ quan, đơn vị tham gia mạng thông tin của Tỉnh ủy; 100% cơ quan đảng, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở đều triển khai kết nối hệ thống mạng Internet tốc độ cao phục vụ tra cứu, gửi nhận thông tin qua Internet. Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp dùng chung trong các cơ quan đảng, hệ thống thông tin chuyên ngành được triển

¹ Các ban đảng tỉnh và các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

khai, nâng cấp kịp thời từ tỉnh đến huyện theo hướng dẫn của Trung ương; một số hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng cho các hoạt động nghiệp vụ (quản lý đơn, thư; quản lý bì đích danh; tài liệu cuộc họp; hệ thống quản lý văn bản và điều hành trên Internet...) được tỉnh xây dựng và triển khai đồng bộ trong toàn hệ thống. Việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức và kỹ năng của cán bộ cơ quan đảng, đoàn thể trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của từng cơ quan được quan tâm thực hiện, góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc của các cơ quan đảng, đoàn thể của tỉnh.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc ứng dụng công nghệ thông tin ở các cơ quan đảng, đoàn thể của tỉnh còn nhiều hạn chế, yếu kém:

- Trang thiết bị công nghệ thông tin (máy tính, máy in, máy scan, hệ thống mạng...) ít được quan tâm đầu tư, nâng cấp; nhiều máy tính, máy in cũ, cấu hình thấp, đã hết khấu hao, không đáp ứng được yêu cầu công việc (*nhiều cơ quan trang thiết bị cũ, lạc hậu chiếm trên 50%*), nhất là ở cấp xã. Các cơ quan đảng ở cấp tỉnh, cấp huyện do phải sử dụng 2 hệ thống mạng tách biệt nhau (mạng nội bộ - mạng Internet) dẫn đến không đủ máy tính để xử lý công việc, có nơi 3 đến 4 cán bộ phải sử dụng chung 1 máy để vào mạng Internet. Đồng thời hiện nay, do thực hiện mua sắm tập trung nên tiến độ cung ứng, chất lượng trang thiết bị công nghệ thông tin nhiều lúc không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Phòng họp trực tuyến của Tỉnh ủy có diện tích nhỏ, chỗ ngồi ít (70 đến 75 chỗ ngồi). Hệ thống họp trực tuyến của Ban Tổ chức Tỉnh ủy được trang bị từ lâu, hiện đã cũ, lạc hậu, hệ thống âm thanh kém và chỉ phục vụ được các cuộc họp trực tuyến ngành tổ chức xây dựng Đảng từ Ban Tổ chức Trung ương đến Ban Tổ chức Tỉnh ủy. Đa số các huyện ủy sử dụng chung phòng họp trực tuyến của UBND huyện dẫn đến không chủ động tổ chức các hội nghị trực tuyến của cấp ủy. Các đảng ủy xã, phường, thị trấn sử dụng chung phòng họp trực tuyến của UBND xã, phường, thị trấn, song chất lượng các phòng họp trực tuyến cấp xã hạn chế (*hệ thống âm thanh, hình ảnh kém, nhiều phiên họp chỉ nghe được khoảng 40% - 80%, hình ảnh mờ, giật*), nhiều thiết bị đã cũ, lạc hậu chưa được quan tâm đầu tư thay thế, nâng cấp.

- Hệ thống phần mềm chuyên ngành cơ bản lạc hậu, nhiều lỗi, không đáp ứng được yêu cầu, thiếu tính đồng bộ, liên thông giữa các cấp, các ngành như: Phần mềm quản lý đơn, thư; quản lý thẻ đảng viên; chuyên ngành tổ chức xây dựng Đảng; chuyên ngành kiểm tra. Việc triển khai ứng dụng chữ ký số còn chậm, tỷ lệ ký số cá nhân còn thấp, nhiều Ban Đảng tỉnh hiện nay chưa thực hiện ký số cá nhân. Công tác số hóa, cập nhật cơ sở dữ liệu chưa được quan tâm thực hiện.

- Việc đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng chưa được quan tâm đúng mức. Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm, sử dụng mạng của phần đông cán bộ, công chức còn hạn chế. Nguồn nhân lực cho ứng dụng công nghệ thông tin ở các cơ quan đảng, đoàn thể của tỉnh còn thiếu và yếu, nhất là ở cấp xã.

Các ban, cơ quan của Tỉnh ủy, Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy chưa quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, bố trí nhân lực ứng dụng công nghệ thông tin và phân công lãnh đạo phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số ở đơn vị mình.

Phần thứ hai NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

I- QUAN ĐIỂM

Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan đảng, đoàn thể của tỉnh là trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền và các cơ quan đảng, đoàn thể của tỉnh, nhất là người đứng đầu.

Đề án ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan đảng, đoàn thể của tỉnh giai đoạn 2022-2025 phải tuân thủ Kiến trúc tổng thể công nghệ thông tin và truyền thông của các cơ quan Đảng, đảm bảo tích hợp, đồng bộ, liên thông với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0 vào các lĩnh vực.

Đề án phải có sự kế thừa và phát huy thành quả ứng dụng công nghệ thông tin trong giai đoạn trước, tránh đầu tư trùng lặp, dư thừa gây lãng phí; phải lấy tổ chức đảng và cán bộ, công chức các cơ quan Đảng, đoàn thể làm trung tâm; các ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phải nâng cao được hiệu lực, hiệu quả và tính tiện lợi trong quản lý, điều hành, thực hiện nhiệm vụ của các cấp ủy, cơ quan đảng, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Cụ thể hóa việc triển khai thực hiện Quyết định số 27-QĐ/TW ngày 10/8/2021 của Ban Bí thư ban hành Chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 111-NQ/TU ngày 11/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Ứng dụng công nghệ thông tin tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và các chương trình ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của Chính phủ, đoàn thể Trung ương nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan đảng, đoàn thể của tỉnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc, đẩy mạnh cải cách hành chính và nâng cao chất lượng, hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị và phục vụ có hiệu quả các hoạt động của cấp ủy.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

2.1. Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật

- 100% trang thiết bị CNTT (máy tính, máy in, máy quét, hệ thống mạng...) hết khấu hao, không đáp ứng yêu cầu công việc được thay thế kịp thời.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp bảo đảm 100% phòng họp trực tuyến cấp tỉnh, huyện, xã có chất lượng hình ảnh, âm thanh đáp ứng tốt các hội nghị trực tuyến.

- Duy trì kết nối mạng thông tin của Tỉnh ủy sử dụng đường truyền chuyên dùng của Đảng với băng thông rộng, đáp ứng yêu cầu sử dụng, ổn định, an toàn của 100% cơ quan đảng cấp tỉnh và cấp huyện. 100% cơ quan Đảng, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở sử dụng đường truyền Internet tốc độ cao; bảo đảm hạ tầng kỹ thuật để trao đổi, chia sẻ thông tin giữa cơ quan đảng với các cơ quan nhà nước, mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

2.2. Ứng dụng công nghệ thông tin

- 100% hệ thống thông tin chuyên ngành, phần mềm ứng dụng, phần mềm nền tảng, danh mục, dịch vụ dùng chung do Trung ương chuyên giao được tiếp nhận, tổ chức triển khai sử dụng bảo đảm đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ tại các cơ quan đảng, đoàn thể.

- Xây dựng cổng thông tin điện tử của Tỉnh ủy có tích hợp với các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng trên nền web.

- Xây dựng module kết nối các phần mềm nội bộ của địa phương vào trực tích hợp, liên thông dữ liệu của các cơ quan đảng.

- Xây dựng mới phần mềm xử lý đơn, thư cấp tỉnh, cấp huyện.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan đảng, đoàn thể được đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, trình độ, kỹ năng để khai thác, sử dụng thành thạo các ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số hiệu quả trực tiếp đến nhiệm vụ được phân công.

- 100% cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin và cán bộ ở các cơ quan đảng, đoàn thể của tỉnh được đào tạo, bồi dưỡng bảo đảm đủ năng lực triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số ở cơ quan, đơn vị.

- 100% hồ sơ công việc từ cấp tỉnh đến cấp xã được xử lý trên môi trường mạng máy tính (trừ hồ sơ mật).

- 100% tài liệu cuộc họp cấp tỉnh, cấp huyện (không mật) thực hiện gửi trước trên phần mềm Tài liệu cuộc họp.

- 100% hồ sơ lưu trữ cấp tỉnh, huyện, xã được số hóa và cập nhật vào phần mềm phục vụ lưu trữ, bảo vệ và khai thác tài liệu.

- 100% văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ trong các cơ quan Đảng, đoàn thể cấp tỉnh, huyện được cập nhật, công khai trên môi trường mạng.

2.3. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng

- Xây dựng và đưa vào vận hành Hệ thống thu thập và giám sát an toàn thông tin của Tỉnh ủy.

- 100% cơ quan đảng, đoàn thể thực hiện bảo đảm an ninh, an toàn thông tin cho máy tính, mạng máy tính, các CSDL, phần mềm ứng dụng.

- 100% máy tính kết nối mạng được cài đặt phần mềm diệt virus có bản quyền và các phần mềm giám sát an ninh mạng.

IV- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường về nhận thức và sự lãnh đạo của các cấp ủy đối với công tác ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

- Tăng cường chỉ đạo tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan đảng, đoàn thể của tỉnh, nhất là người đứng đầu về vai trò của ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các hoạt động của cấp ủy và từng cơ quan, đơn vị.

- Thường xuyên chỉ đạo đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, đoàn thể của tỉnh, đưa các ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào mọi hoạt động trong cơ quan đảng, đoàn thể của tỉnh.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy định về việc quản lý, vận hành Trung tâm tích hợp dữ liệu của Tỉnh ủy; quy định, quy chế quản lý vận hành, sử dụng các nền tảng, dữ liệu và các hệ thống thông tin, phần mềm chuyên ngành; quy định về trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản, tài liệu điện tử trong các cơ quan đảng, đoàn thể tỉnh.

- Các ban, cơ quan của Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, các huyện ủy, thành ủy, đảng trực thuộc Tỉnh ủy căn cứ các quy chế, quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quản lý vận hành, sử dụng các nền tảng, dữ liệu và các hệ thống thông tin, phần mềm chuyên ngành, trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản, tài liệu điện tử và tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương để ban hành quy chế, quy định cho phù hợp.

2. Quan tâm đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ

- Đầu tư xây dựng mới 01 phòng họp trực tuyến của Tỉnh ủy đáp ứng khoảng 150 chỗ ngồi² (phòng họp phục vụ chung của Tỉnh ủy và các ban, cơ quan của Tỉnh ủy); nâng cấp, bổ sung thiết bị phòng họp trực tuyến hiện nay của Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy (camera, màn hình, âm thanh, đường truyền...); đầu tư nâng cấp, xây dựng phòng họp trực tuyến của Đảng ủy Các cơ quan tỉnh, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.

- Đầu tư xây dựng phòng dịch cabin tại phòng họp của Tỉnh ủy; 02 phòng họp Zoom của Thường trực Tỉnh ủy. Thay thế hệ thống âm thanh phòng họp Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đảm bảo theo yêu cầu.

- Các huyện ủy, thành ủy căn cứ nhu cầu thực tế, rà soát đầu tư xây dựng mới, nâng cấp phòng họp trực tuyến của huyện ủy, thành ủy hoặc nâng cấp phòng họp trực

² Triển khai xây dựng 01 phòng họp trực tuyến tại Trường Chính trị tỉnh ở địa điểm mới.

tuyến dùng chung với UBND huyện, thành phố (*camera, mic, âm thanh, đường truyền, màn hình...*); chỉ đạo bố trí kinh phí nâng cấp phòng họp trực tuyến dùng chung của UBND xã, phường, thị trấn để phục vụ các hội nghị trực tuyến của cấp ủy.

- Tiếp tục triển khai đồng bộ đường truyền số liệu chuyên dùng trong các cơ quan Đảng, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật để sử dụng các dịch vụ có tính bảo mật, dịch vụ hội nghị truyền hình, phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan đảng với các cơ quan nhà nước, mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội.

- Bổ sung, nâng cấp thiết bị công nghệ thông tin: Rà soát, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin từng cơ quan, đơn vị (cấp tỉnh, huyện, xã: máy tính, máy in, máy quét, máy chiếu...), bảo đảm đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng và xử lý công việc. Duy trì việc thường xuyên hỗ trợ vận hành, bảo trì, bảo dưỡng để tăng hiệu năng, hiệu quả sử dụng của hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số theo lộ trình.

3. Quan tâm đầu tư xây dựng, nâng cấp hoàn thiện hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng

3.1. Phần mềm do Trung ương chuyển giao

- Duy trì sử dụng các phần mềm đã triển khai: Xử lý công văn, gửi nhận văn bản, thư điện tử, văn kiện Đảng, mục lục hồ sơ, quản lý dữ liệu đảng viên 3.0, quản lý thẻ đảng viên...

- Tiếp nhận, triển khai ứng dụng phần mềm Quản lý hồ sơ cán bộ theo phân cấp tại Ban Tổ chức Tỉnh ủy và các huyện ủy, thành ủy để quản lý hồ sơ cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ban thường vụ huyện ủy, thành ủy quản lý (cả đương chức và đã nghỉ công tác); cập nhật và số hóa đầy đủ hồ sơ cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ban thường vụ huyện ủy, thành ủy quản lý (cả đương chức và đã nghỉ công tác); đưa việc quản lý hồ sơ cán bộ trên phần mềm đi vào nền nếp và khai thác, sử dụng có hiệu quả.

- Tiếp nhận, triển khai phần mềm Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức đến các ban, cơ quan của Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy.

- Tiếp nhận, triển khai việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, giữa các cơ quan trong tỉnh và Trung ương thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh Bắc Giang (LGSP) và Trục tích hợp dữ liệu dùng chung cho các cơ quan đảng, đoàn thể ở Trung ương.

- Tiếp nhận, triển khai các dịch vụ dùng chung theo phân cấp: Cơ sở dữ liệu người dùng, danh mục dùng chung trong hệ thống các cơ quan đảng, đoàn thể của tỉnh; mã định danh các cơ quan, mã định danh cán bộ, công chức... do Trung ương chuyển giao.

- Các thông tin, số liệu (không mật) trong công tác tham mưu, tổng hợp, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành được cập nhật, khai thác trên hệ thống thông tin

tổng hợp và các hệ thống thông tin chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung do Trung ương chuyên giao.

- Các văn bản, tài liệu chính thức có nội dung thông tin không mật được ký số; xử lý, gửi, nhận trên mạng máy tính giữa các cơ quan đảng ở các cấp và giữa cơ quan đảng với cơ quan nhà nước, mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; các văn kiện, tài liệu được số hoá kịp thời và đưa vào khai thác trên mạng máy tính theo quy định. Các văn bản điện tử có độ mật được bảo đảm bởi các giải pháp của Ban Cơ yếu Chính phủ theo quy định.

- Tiếp nhận, triển khai kết nối với các hệ thống CSDL thư viện điện tử, hệ thống chia sẻ dữ liệu, thông tin của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; kết nối đồng bộ với CSDL nền tảng chính quyền điện tử, chuyển đổi số của tỉnh phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học; bảo đảm 80% quy trình quản lý, giám sát hoạt động đào tạo, bồi dưỡng (tuyển sinh, quản lý quá trình dạy và học) và nghiên cứu khoa học của Trường Chính trị tỉnh thực hiện thông qua môi trường số và các hệ thống thông tin quản lý tập trung.

- Phát triển các ứng dụng phần mềm phục vụ công tác khối cơ quan MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh.

- Tiếp nhận, triển khai ứng dụng phần mềm quản lý tài sản, quản lý đảng phí tại các cơ quan đảng tỉnh.

- Đẩy mạnh số hóa và cập nhật dữ liệu vào các phần mềm chuyên ngành, phần mềm dùng chung, phục vụ khai thác có hiệu quả.

3.2. Tiếp tục ứng dụng và đầu tư xây dựng, nâng cấp phần mềm của tỉnh

- Tiếp tục đẩy mạnh khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trên Internet; phần mềm theo dõi, giám sát, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy; tài liệu cuộc họp ... hỗ trợ công tác quản lý và điều hành tác nghiệp, bảo đảm việc liên thông dữ liệu giữa các cơ quan đảng, nhà nước và đoàn thể của tỉnh.

- Đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số trong các giao dịch điện tử. Bảo đảm các văn bản (trừ văn bản mật) của các cơ quan, đơn vị áp dụng hình thức văn bản điện tử được xác thực bằng chữ ký số (không gửi văn bản giấy) trên phần mềm điện tử.

- Số hóa và cập nhật tài liệu lưu trữ tại Kho lưu trữ của Tỉnh ủy, kho lưu trữ của các cơ quan đảng, đoàn thể tỉnh, kho lưu trữ các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy các xã, phường, thị trấn.

- Xây dựng mới phần mềm xử lý đơn, thư trong các cơ quan đảng từ tỉnh đến huyện (Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, UBKT Tỉnh ủy, các huyện ủy, thành ủy và Đảng ủy Các cơ quan tỉnh).

- Xây dựng, duy trì hiệu quả, chất lượng cổng thông tin điện tử của Tỉnh ủy.

- Xây dựng module để kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu từ các phần mềm nội bộ của các cơ quan đảng tỉnh lên Trục tích hợp, liên thông dữ liệu của các cơ

quan đảng; khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu, dịch vụ dùng chung của các cơ quan đảng thông qua Trục tích hợp, liên thông dữ liệu của các cơ quan đảng.

- Kết nối, liên thông dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, CSDL trong các cơ quan đảng với các cơ quan nhà nước, mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh qua nền tảng tích hợp dữ liệu tỉnh Bắc Giang (LGSP).

4. Thực hiện tốt công tác bảo đảm an ninh, an toàn thông tin

- Triển khai xây dựng và đưa vào vận hành Hệ thống giám sát an toàn, an ninh thông tin mạng của các cơ quan đảng, thu thập và phân tích sự kiện cơ bản liên quan đến an toàn, an ninh thông tin tại hệ thống mạng diện rộng của Đảng (SIEM). Tổ chức giám sát, điều hành an toàn thông tin và đánh giá định kỳ, đồng thời kết nối, chia sẻ thông tin với Hệ thống giám sát quốc gia, Hệ thống giám sát, an toàn, an ninh mạng của các cơ quan Đảng ở Trung ương. Quản trị, vận hành có hiệu quả hệ thống giám sát an toàn, an ninh thông tin mạng. Bảo vệ bí mật thông tin trên các máy tính và mạng máy tính theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước.

- Định kỳ phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, đánh giá an toàn, an ninh hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng và các thiết bị công nghệ thông tin tại Trung tâm dữ liệu của Tỉnh ủy và tại các cơ quan, đơn vị (2,5 năm/lần).

- Xây dựng phương án và tổ chức triển khai các giải pháp, sản phẩm bảo mật, an toàn thông tin; bảo đảm an toàn, an ninh cho Trung tâm tích hợp dữ liệu, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, dịch vụ dùng chung, hội nghị trực tuyến theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước về bảo vệ bí mật nhà nước.

- Chuẩn bị tốt các điều kiện, sẵn sàng triển khai các giải pháp bảo mật, sản phẩm mật mã của Ban Cơ yếu Chính phủ khi được chuyển giao tại các cơ quan đảng tỉnh.

- Triển khai phần mềm diệt virus bản quyền cho các máy chủ, máy trạm.

- Việc bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng tại các cơ quan đảng, đoàn thể được thực hiện theo mô hình 04 lớp, gồm: Lực lượng tại chỗ, tổ chức giám sát và bảo vệ chuyên nghiệp, tổ chức độc lập kiểm tra, đánh giá định kỳ, kết nối, chia sẻ thông tin với các hệ thống giám sát quốc gia.

5. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ứng dụng công nghệ thông tin

- Bố trí từ 3 - 4 cán bộ công nghệ thông tin chuyên trách có trình độ, năng lực tại Văn phòng Tỉnh ủy để tham mưu và triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan đảng, đoàn thể của tỉnh giai đoạn 2022-2025.

- Mỗi huyện ủy, thành ủy bố trí 01 cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin (hoặc bố trí cán bộ cơ yếu kiêm công nghệ thông tin).

- Các ban, cơ quan của Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy bố trí 01 cán bộ có am hiểu

về công nghệ thông tin kiêm nhiệm làm công tác tham mưu, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin ở quan, đơn vị mình.

- Tăng cường đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin cho người sử dụng; nâng cao kỹ năng vận hành, quản trị hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thông tin và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin cho cán bộ công nghệ thông tin các cơ quan đảng, đoàn thể của tỉnh. Trong đó cần đặc biệt chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng tham mưu và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

6. Thường xuyên kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Đề án

- Định kỳ kiểm tra, đánh giá tình hình triển khai thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin theo Đề án; kịp thời đôn đốc, giải quyết những khó khăn, vướng mắc để đảm bảo thực hiện đúng, hiệu quả về các nội dung, tiến độ Đề án đề ra.

- Hằng năm, đánh giá, xếp hạng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, đoàn thể.

V- KINH PHÍ VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2022-2025

Tổng kinh phí các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: 61.408 triệu đồng (*Sáu mươi một tỷ bốn trăm linh tám triệu đồng*).

1. Nhu cầu vốn thực hiện Đề án của các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy và Đảng ủy Các cơ quan tỉnh, Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh: 36.024 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục số 1 kèm theo)

Nguồn kinh phí: Do ngân sách tỉnh bảo đảm.

2. Báo Bắc Giang, Trường Chính trị tỉnh, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh: 25.384 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục số 2 kèm theo)

Nguồn kinh phí: Do ngân sách tỉnh bảo đảm.

3. Các huyện ủy, thành ủy và đảng ủy xã, phường, thị trấn: Do ngân sách huyện, thành phố và các xã, phường, thị trấn bảo đảm.

Phần thứ ba TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban cán sự đảng UBND tỉnh

Chỉ đạo Ủy ban nhân tỉnh chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy triển khai thực hiện các nội dung của Đề án bảo đảm chất lượng, hiệu quả và đúng lộ trình, kế hoạch đề ra; chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư,

Sở Tài chính phối hợp với các ban, cơ quan của Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Đề án.

2. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Đảng ủy Các cơ quan tỉnh, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh

Căn cứ Đề án này và Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số hằng năm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025 và hằng năm của cơ quan, đơn vị; gửi dự thảo kế hoạch về Văn phòng Tỉnh ủy (*kế hoạch giai đoạn 2022-2025 và năm 2022 gửi trước ngày 20/02/2022; kế hoạch năm khác gửi trước ngày 20/10 hằng năm*) để thẩm định trước khi ký ban hành tổ chức thực hiện.

Định kỳ hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện về Thường trực Tỉnh ủy (*qua Văn phòng Tỉnh ủy*) trước ngày 30/11.

3. Báo Bắc Giang, Trường Chính trị tỉnh, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Căn cứ Đề án này và Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số hằng năm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025 và hằng năm của cơ quan, đơn vị; gửi dự thảo Kế hoạch về Văn phòng Tỉnh ủy, Sở Thông tin và Truyền thông (*kế hoạch giai đoạn 2022-2025 và năm 2022 gửi trước ngày 20/02/2022; kế hoạch năm khác gửi trước ngày 20/10 hằng năm*) để thẩm định trước khi đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Định kỳ hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện về Thường trực Tỉnh ủy (*qua Văn phòng Tỉnh ủy*) trước ngày 30/11.

4. Các huyện ủy, thành ủy

Căn cứ Đề án này và Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số hằng năm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các huyện ủy, thành ủy xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025 và hằng năm của địa phương (*phạm vi của kế hoạch bao gồm: Các cơ quan tham mưu, giúp việc huyện ủy, thành ủy, ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, trung tâm chính trị huyện, thành phố; đảng ủy các xã, phường, thị trấn*) để tổ chức thực hiện.

Tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp phòng họp trực tuyến cấp huyện, cấp xã bảo đảm chất lượng hình ảnh, âm thanh phục vụ các hội nghị trực tuyến; mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin, bảo đảm 100% máy tính, máy in, máy quét, hệ thống mạng... hết khấu hao, không đáp ứng yêu cầu công việc được thay thế kịp thời; 100% hồ sơ lưu trữ cấp huyện, xã được số hóa và cập nhật vào phần mềm phục vụ lưu trữ, bảo vệ và khai thác tài liệu.

Định kỳ hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện về Thường trực Tỉnh ủy (*qua Văn phòng Tỉnh ủy*) trước ngày 30/11.

5. Văn phòng Tỉnh ủy

- Tham mưu xây dựng dự thảo Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số hằng năm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trình Thường trực Tỉnh ủy xem xét ký ban hành để tổ chức thực hiện xong trước ngày 10/10 hằng năm (*Kế hoạch năm 2022 xong trước ngày 28/01/2022*); tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số hằng năm của các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy, Đảng ủy Các cơ quan tỉnh, Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh.

- Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy định về việc quản lý, vận hành Trung tâm tích hợp dữ liệu của Tỉnh ủy; quy định, quy chế quản lý vận hành, sử dụng các nền tảng, dữ liệu và các hệ thống thông tin, phần mềm chuyên ngành; quy định về trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản, tài liệu điện tử trong các cơ quan đảng, đoàn thể tỉnh...

- Quản lý toàn diện hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan đảng, đoàn thể của tỉnh. Quản lý vận hành Trung tâm tích hợp dữ liệu của Tỉnh ủy, cổng thông tin điện tử của Tỉnh ủy; triển khai các ứng dụng dùng chung của Tỉnh ủy.

- Phối hợp với Công an tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra an ninh thiết bị trước khi đưa vào sử dụng.

- Tiếp nhận, triển khai các phần mềm do cơ quan Trung ương chuyên giao.

- Định kỳ báo cáo Ban Bí thư (qua Văn phòng Trung ương Đảng), Ban Thường vụ Tỉnh ủy tình hình triển khai ứng dụng công nghệ thông tin hằng năm, sơ kết, tổng kết theo hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng.

- Đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trong triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số. Hằng năm, tổng hợp kết quả thực hiện Đề án của các cơ quan, đơn vị báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng (*báo cáo*),
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Đảng đoàn HĐND tỉnh,
- Ban cán sự đảng UBND tỉnh,
- Các ban, cơ quan của Tỉnh ủy,
- Các huyện, thành ủy, Đảng ủy Các cơ quan tỉnh, Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh,
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ



Lê Thị Thu Hồng

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ CNTT CÁC BAN ĐẢNG, ĐẢNG ỦY CCQ TỈNH, ĐUKDN TỈNH GIAI ĐOẠN 2022-2025

(Kèm theo Đề án số 10-ĐATU ngày 28/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng kinh phí (Nguồn vốn ngân sách tỉnh)	Lộ trình thực hiện/ Kinh phí				Đơn vị chủ trì
					2022	2023	2024	2025	
I	Phát triển hạ tầng kỹ thuật			18.112	6.936	1.528	9.200	448	
1	Hệ thống phòng họp trực tuyến			8.227	4.911	328	2.960	28	
1.1	Xây dựng phòng họp trực tuyến chung của Tỉnh ủy	01 Phòng họp phục vụ chung của Tỉnh ủy và các ban, cơ quan của Tỉnh ủy; đặt tại Trường Chính trị tỉnh mới; 150 chỗ ngồi.	2022	3.200	3.200				Văn phòng Tỉnh ủy
1.2	Nâng cấp hệ thống trực tuyến của Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Phục vụ họp trực tuyến Ngành Tổ chức (thay màn hình, camera, mic cũ, đã hết khấu hao)	2023	300	300				Ban Tổ chức Tỉnh ủy
1.3	Xây dựng phòng họp trực tuyến chung của Đảng ủy Các cơ quan tỉnh	Phục vụ các hội nghị trực tuyến của đơn vị	2022	200	200				Đảng ủy Các cơ quan tỉnh
1.4	Xây dựng phòng họp trực tuyến Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh	Phục vụ các hội nghị trực tuyến của đơn vị	2022	200	200				Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh
1.5	Xây dựng phòng dịch cabin của Tỉnh ủy	Phục vụ phiên dịch các hội nghị của Tỉnh ủy có yếu tố nước ngoài	2022	1.200	1.200				Văn phòng Tỉnh ủy
1.6	Xây dựng 02 phòng họp Zoom của Thường trực Tỉnh ủy	Phục vụ các cuộc họp của Thường trực Tỉnh ủy với các đồng chí Tỉnh ủy viên, thủ trưởng các cơ quan, sở, ban, ngành tỉnh; bí thư, chủ tịch UBND các huyện, thành phố; bí thư các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; bí thư đảng ủy, chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn (tối đa 500 người dùng).	2022-2025	195	111	28	28	28	Văn phòng Tỉnh ủy
1.7	Thay thế hệ thống âm thanh phòng họp Tỉnh ủy	Thay thế hệ thống âm thanh cũ tại phòng họp phòng họp Tỉnh ủy, nhằm đáp ứng tốt các hội nghị, hội thảo, hội nghị trực tuyến của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy và các hội nghị khác khi có yêu cầu.	2024	1.780			1.780		Văn phòng Tỉnh ủy
1.8	Thay thế hệ thống âm thanh phòng họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Phục vụ các hội nghị tổ chức tại phòng họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các hội nghị khác khi có yêu cầu.	2024	1.152			1.152		Văn phòng Tỉnh ủy

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng kinh phí (Nguồn vốn ngân sách tỉnh)	Lộ trình thực hiện/ Kinh phí				Đơn vị chủ trì
					2022	2023	2024	2025	
2	Xây dựng và đưa vào vận hành Hệ thống thu thập và giám sát an toàn thông tin của Tỉnh ủy	Bảo đảm giám sát liên tục các hoạt động trên mạng máy tính Tỉnh ủy, có khả năng tự động thu thập dữ liệu, cảnh báo, phân tích, hỗ trợ ra quyết định xử lý các sự cố, có kết nối với Hệ thống giám sát, an ninh, an toàn thông tin mạng của các cơ quan đảng ở Trung ương	2024	5.820		5.820			Văn phòng Tỉnh ủy
3	Rà soát, nâng cấp, thay thế trang thiết bị CNTT	Thay thế 100% trang thiết bị CNTT cũ, lạc hậu, đã hết khấu hao, không đáp ứng yêu cầu công việc (186 máy tính, 112 máy in, 8 máy scan, 01 máy tính chuyên dùng, 01 máy scan chuyên dùng) - Năm 2022: thay 86 máy tính, 58 máy in, 8 máy scan, trang bị thêm 01 máy tính chuyên dùng, 01 máy scan chuyên dùng - Năm 2023: thay 60 máy tính, 30 máy in - Năm 2024: thay 20 máy tính, 12 máy in - Năm 2025: thay 20 máy tính, 12 máy in	2022-2025	4.065	2.025	1.200	420	420	Các ban, cơ quan của Tỉnh ủy; Đảng ủy Các cơ quan tỉnh, Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh
II	Hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng			14.467	2.682	6.188	3.324	2.274	
I	Phần mềm do Trung ương chuyển giao			1.061	602	183	163	113	Văn phòng Tỉnh ủy
1.1	Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trên mạng nội bộ (phần mềm xử lý công văn, thư điện tử, văn kiện Đảng)	Tiếp nhận phần mềm do Trung ương chuyển giao. Bỏ trị kinh phí cài đặt 20 máy chủ, mỗi máy 500.000 đồng = 10 triệu đồng; tập huấn triển khai phần mềm 03 lớp cho các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, mỗi lớp 10 triệu đồng = 30 triệu đồng. Tổng số 40 triệu đồng.	2023	40	40				Văn phòng Tỉnh ủy
1.2	Hệ thống thông tin chuyên ngành Tổ chức	Cập nhật, số hóa đầy đủ hồ sơ cán bộ diện BTV Tỉnh ủy quản lý (307 đồng chí); hằng năm bổ sung hồ sơ gốc của 307 đồng chí; cập nhật, số hóa các đồng chí mới bổ sung, kiện toàn chức danh diện BTV Tỉnh ủy quản lý	2022-2025	941	592	113	123	113	Ban Tổ chức Tỉnh ủy
a)	Tiếp nhận, triển khai phần mềm quản lý cán bộ theo phân cấp		2022-2025	233	143	30	30	30	

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng kinh phí (Nguồn vốn ngân sách tỉnh)	Lộ trình thực hiện/ Kinh phí				Đơn vị chủ trì
					2022	2023	2024	2025	
b)	Tiếp nhận, triển khai phần mềm quản lý cán bộ, công chức khối Đảng, đoàn thể tỉnh	Cập nhật, số hóa, chuyển đổi thông tin đầy đủ hồ sơ cán bộ khối Đảng, đoàn thể của tỉnh (khoảng 950 hồ sơ, không bao gồm hồ sơ cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý)	2022-2025	678	429	83	83	83	Ban Tổ chức Tỉnh ủy
c)	Tiếp nhận, triển khai phần mềm quản lý dữ liệu đảng viên 3.0, quản lý thẻ đảng viên	Tiếp nhận phần mềm do Trung ương chuyển giao. Bổ trí kinh phí tập huấn (02 lớp cho cán bộ Ban Tổ chức cấp tỉnh, huyện, mỗi lớp 10 triệu đồng = 20 triệu).	2022, 2024	30	20	10	10	10	Ban Tổ chức Tỉnh ủy
1.3	Tiếp nhận, triển khai Hệ thống thông tin chuyên ngành Kiểm tra (quản lý cán bộ; tổng hợp báo cáo; thi đua, khen thưởng; đào tạo...)	Tiếp nhận, triển khai phần mềm do Trung ương chuyển giao. Bổ trí kinh phí tập huấn (02 lớp cho cán bộ UBNDKT cấp tỉnh, huyện, mỗi lớp 10 triệu đồng = 20 triệu).	2022, 2024	20	10	10	10	10	UBNDKT Tỉnh ủy
1.4	Tiếp nhận, triển khai Hệ thống thông tin chuyên ngành Tuyên giáo (gồm phần hệ điều hành tác nghiệp, ấn phẩm, thông tin tư liệu...)	Tiếp nhận, triển khai phần mềm do Trung ương chuyển giao. Bổ trí kinh phí tập huấn (02 lớp = 20 triệu).	2023, 2024	20	10	10	10	10	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
1.5	Tiếp nhận, triển khai Hệ thống thông tin chuyên ngành Nội chính	Tiếp nhận, triển khai phần mềm do Trung ương chuyển giao. Bổ trí kinh phí tập huấn (02 lớp = 20 triệu).	2023-2024	20	10	10	10	10	Ban Nội chính Tỉnh ủy
1.6	Tiếp nhận, triển khai Hệ thống thông tin chuyên ngành Dân vận	Tiếp nhận, triển khai phần mềm do Trung ương chuyển giao. Bổ trí kinh phí tập huấn (02 lớp = 20 triệu).	2023-2024	20	10	10	10	10	Ban Dân vận Tỉnh ủy
2	Phần mềm của tỉnh xây dựng, nâng cấp			13.406	2.080	6.005	3.161	2.161	
2.1	Tiếp tục số hóa và cập nhật tài liệu lưu trữ tại Kho lưu trữ của Tỉnh ủy.	Giai đoạn 2022-2025, dự kiến số hóa khoảng 520.000 trang tài liệu, cập nhật khoảng 200.000 bản ghi vào phần mềm Kho lưu trữ điện tử của Tỉnh ủy. Để chia sẻ, truy cập trên mạng điện rộng của Đảng phục vụ các cơ quan trong hệ thống chính trị tra cứu, khai thác.	2022-2025	3.200	500	900	900	900	Văn phòng Tỉnh ủy
2.2	Xây dựng mới phần mềm xử lý đơn, thư	Nhằm hỗ trợ công tác xử lý đơn, thư tại các cơ quan Đảng từ tỉnh đến huyện (Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, UBNDKT Tỉnh ủy, các huyện ủy, thành ủy và Đảng ủy Các cơ quan tỉnh)	2022	1.580	1.580				Văn phòng Tỉnh ủy; UBNDKT Tỉnh ủy; Ban Nội chính Tỉnh ủy

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng kinh phí (Nguồn vốn ngân sách tỉnh)	Lộ trình thực hiện/ Kinh phí				Đơn vị chủ trì
					2022	2023	2024	2025	
2.3	Số hóa hồ sơ các cuộc kiểm tra, giám sát của UBND Tỉnh ủy từ năm 2010 đến nay	200 trang/hồ sơ (x) 3.500đ/trang (x)15 hồ sơ/năm (x) 10 năm	2023-2025	126		105	10.5	10.5	UBKT Tỉnh ủy
2.4	Xây dựng cổng thông tin điện tử của Tỉnh ủy	Đảm bảo tích hợp với các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng trên nền web - Năm 2023 triển khai xây dựng cổng thông tin - Năm 2024, 2025 bổ trí 500 triệu cập nhật, số hóa các tài liệu lãnh đạo, chỉ đạo...	2023-2025	2.500		2.000	250	250	Văn phòng Tỉnh ủy
2.5	Kết nối, liên thông dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, CSDL	Kết nối, liên thông dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, CSDL trong các cơ quan Đảng với các cơ quan Nhà nước, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh qua Nền tảng tích hợp dữ liệu tỉnh Bắc Giang (LGSP). - Xây dựng trực liên thông của khối đảng, đoàn thể của tỉnh kết nối với trực liên thông Quốc gia, trực liên thông của tỉnh - Xây dựng module kết nối các phần mềm nội bộ của địa phương vào trực tích hợp, liên thông dữ liệu của các cơ quan đảng (800 triệu, dự kiến triển khai năm 2023)	2023-2025	6.000		3.000	2.000	1.000	Văn phòng Tỉnh ủy
III	Bảo đảm an ninh, an toàn thông tin								
1	Kiểm tra đánh giá an toàn thông tin	Kiểm tra an ninh trang thiết bị CNTT (máy tính, máy in để phát hiện, ngăn chặn lỗ hổng bảo mật)	2023-2025	600		300			Văn phòng Tỉnh ủy
2	Ra hạn bản quyền phần mềm tương lửa mạng Internet cấp tỉnh, huyện	Hàng năm mua ra hạn bản quyền phần mềm tương lửa cho 18 thiết bị tương lửa mạng Internet (17 thiết bị tương lửa các huyện ủy, thành ủy, các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Đảng ủy Các cơ quan, Đảng ủy Khối DN tỉnh, mỗi thiết bị 10 triệu đồng; 01 thiết bị tương lửa chủ tại Tỉnh ủy 30 triệu)	2023-2025	600		200	200	200	Văn phòng Tỉnh ủy
IV	Đào tạo, tập huấn								
				880		220	220	220	

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng kinh phí (Nguồn vốn ngân sách tỉnh)	Lộ trình thực hiện/ Kinh phí				Đơn vị chủ trì
					2022	2023	2024	2025	
1	Tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ chuyên trách về CNTT của các cơ quan đảng	Tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ chuyên trách của các cơ quan đảng, đoàn thể của tỉnh: Mỗi năm 1 lớp, mỗi lớp 10 triệu đồng (Nội dung cụ thể: Quản trị phần mềm Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp, cài đặt, sử dụng chữ ký số...)	2022-2025	40	10	10	10	10	Văn phòng Tỉnh ủy
2	Tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.	Cán bộ, công chức, viên chức từ tỉnh đến xã (21 lớp/năm): Mỗi lớp 10 triệu đồng.	2022-2025	840	210	210	210	210	Văn phòng Tỉnh ủy
V	Các đề tài, dự án			1.365	1.204	161			
	Đề án, dự án	Số hóa Văn kiện Đảng bộ tỉnh Bắc Giang toàn tập (19 tập - mỗi kỳ Đại hội 1 tập), đã được phê duyệt kinh phí từ nguồn sự nghiệp khoa học tỉnh và đang triển khai thực hiện	2021-2025	1.365	1.204	161			Văn phòng Tỉnh ủy
TỔNG CỘNG					11.042	8.597	12.944	3.442	

Bảng chữ: Ba mươi sáu tỷ không trăm hai mươi bốn triệu đồng

**PHỤ LỤC 2: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ CNTT CỦA BẢO BẮC GIANG, TRƯỜNG CHÍNH TRỊ,
 MTTQ VÀ CÁC ĐOÀN THỂ CT-XH TỈNH GIAI ĐOẠN 2022-2025**
 (Kèm theo Đề án số 10-ĐA/TU ngày 28/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng kinh phí (Nguồn vốn ngân sách tỉnh)	Lộ trình thực hiện/ kinh phí				Đơn vị chủ trì
					2022	2023	2024	2025	
I	Phát triển hạ tầng kỹ thuật			3.820	2.500	770	550		
1	Hệ thống phòng họp trực tuyến			1.750					
1.1	Nâng cấp phòng họp trực tuyến của MTTQ tỉnh	Phục vụ các hội nghị trực tuyến của đơn vị	2022	150					MTTQ tỉnh
1.2	Phòng họp trực tuyến của Hội Nông dân tỉnh	Phục vụ các hội nghị trực tuyến của đơn vị	2022	200					Hội Nông dân tỉnh
1.3	Phòng họp trực tuyến Hội Cựu chiến binh tỉnh	Phục vụ các hội nghị trực tuyến của đơn vị	2022	200					Hội Cựu chiến binh tỉnh
1.4	Xây dựng phòng họp trực tuyến Tỉnh đoàn	Phục vụ các hội nghị trực tuyến của đơn vị	2022	200					Tỉnh đoàn
1.5	Xây dựng phòng họp trực tuyến Hội Phụ nữ tỉnh	Phục vụ các hội nghị trực tuyến của đơn vị (đã được cấp kinh phí năm 2022)	2022	1.000					Hội phụ nữ tỉnh
2	Rà soát, nâng cấp, thay thế trang thiết bị CNTT			2.070	750	770	550		
	MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Trường Chính trị tỉnh, Bảo Bắc Giang	Thay thế 100% trang thiết bị CNTT cũ, lạc hậu, đã hết khấu hao, không đáp ứng yêu cầu công việc (83 máy tính bàn, 31 xách tay, 31 máy in, 05 máy scan). - Năm 2022: thay 30 máy tính bàn, 10 máy xách tay, 10 máy in, 5 máy scan - Năm 2023: 33 máy tính bàn, 11 máy xách tay, 11 máy in - Năm 2024: 20 máy tính bàn, 10 máy xách tay, 10 máy in	2022-2024	2.070	750	770	550		MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Trường Chính trị tỉnh, Bảo Bắc Giang
II	Số hóa các cơ sở dữ liệu	Quét văn kiện, tài liệu, hồ sơ... và cập nhật vào phần mềm (300 triệu/năm/đơn vị)	2022-2025	9.600	2.400	2400	2400	2400	MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Trường Chính trị tỉnh, Bảo Bắc Giang

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng kinh phí (Nguồn vốn ngân sách tỉnh)	Lộ trình thực hiện/ kinh phí				Đơn vị chủ trì
					2022	2023	2024	2025	
III	Các Đề tài, dự án			11.964	6.093	2.207	1.782	1.882	
1	Đề án nâng cấp Báo Bắc Giang điện tử	UBND tỉnh đã phê duyệt kinh phí và đang thực hiện	2021-2025	7.720	4.462	1.086	1.086	1.086	Báo Bắc Giang
2	Đề án nâng cao năng lực ứng dụng CNTT cho chủ trang trại, hộ nông dân sản xuất kinh doanh giới trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; góp phần thực hiện cuộc cách mạng CN lần 4, giai đoạn 2021-2025	UBND tỉnh đã phê duyệt kinh phí và đang thực hiện	2021-2025	4.244	1.631	1.121	696	796	Hội Nông dân tỉnh
TỔNG CỘNG					10.993	5.377	4.732	4.282	

Bảng chữ: Hai mươi năm tỷ ba trăm tám mươi tư triệu đồng